

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32 /2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 14/8/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Lê Văn Bình
 2. Ông Phạm Văn Thành

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ: Ông Trần Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: 252/2020/TLST–HNGĐ ngày 16/6/2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1972
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q - Sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Khu 5, ấp SC, xã LG, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.
(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2020, bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, kết hôn năm 1997 tại UBND xã LG. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh Q là người gia trưởng, độc đoán, bên cạnh đó anh Q còn thường xuyên uống rượu say xỉn về đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị và gia đình bên vợ. Hiện nay anh chị vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân nhau được 06 tháng nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Anh chị có 03 người con chung là Nguyễn Văn A, sinh năm 1995, Nguyễn Văn T, sinh năm 1998 và cháu Nguyễn Thị Như Q1, sinh ngày 29/3/2007. Hai cháu A và T đã trưởng thành và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu giải quyết. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q1 sau khi ly hôn và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2020 bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện và tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, kết hôn tại UBND xã LG. Cuộc sống của hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn như lời trình bày của chị H là đúng. Anh thừa nhận anh có hay uống rượu say xỉn về kiểm chuyện chửi bới, cãi nhau, lớn tiếng và xúc phạm chị H cũng như gia đình chị. Tuy nhiên, anh Q cho rằng chị H cũng chửi lại anh và hai bên xảy ra cãi vã nhau. Anh thừa nhận giữa anh và gia đình vợ có mâu thuẫn là do chị H gọi điện thoại về cho gia đình chị biết việc trong lúc hai vợ chồng cãi nhau anh có đưa gia đình vợ ra chửi bới. Nay chị H nộp đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý, lý do là con cái nay đã lớn anh không muốn con thiếu thốn tình cảm của cha hoặc mẹ, không muốn con bị mang tiếng có cha mẹ ly hôn, hơn nữa anh Q cũng đã lớn tuổi anh không muốn ly hôn và anh còn thương vợ con.

Về con chung: Anh thống nhất với chị H về con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn thì anh đồng ý giao cháu Q1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (pho to – chứng thực), giấy khai sinh (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), bản tự khai, đơn xác nhận, chứng minh nhân dân của anh Q (pho to – đối chiếu), đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

- Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp: Không có.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: không có.

* Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa tiến hành công bố đơn của đương sự, tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành thảo luận những nội dung cần giải quyết trong vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không kiến nghị gì thêm.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh Q, giao cháu Nguyễn Thị Như Q1, sinh ngày 29/3/2007 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Q hiện đăng ký hộ khẩu tại xã LG, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ theo Điều 35 BLTTDS.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị H là nguyên đơn, anh Q là bị đơn

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã LG, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai vào ngày 14/11/1997 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị H, cuộc sống hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Q là người đàn ông gia trưởng, độc đoán, hai vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, hơn nữa anh Q thường uống rượu say xỉn về chửi bới, xúc phạm chị và gia đình chị, anh chị đã sống ly thân nhau được hơn 06 tháng nay, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh Q không đồng ý ly hôn, lý do là anh không muốn con cái mang tiếng có bố mẹ ly hôn, con thiếu thốn tình cảm cha mẹ và hơn nữa anh đã lớn tuổi. Mặc dù anh không đồng ý ly hôn, nhưng thừa nhận những mâu thuẫn giữa hai vợ chồng mà chị H trình bày có có thật, việc anh không đồng ý ly hôn, anh không đưa ra hướng khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm mà anh cho rằng vì sợ con mang tai tiếng, vì anh lớn tuổi.

Như vậy có thể nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của anh chị thật sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần cho chị H được ly hôn với anh Q là phù hợp.

- Về con chung: Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Như Q1, sinh ngày 29/3/2007 mà không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Còn hai cháu A và T đã đủ tuổi trưởng thành và không đặt ra xem xét, giải quyết. Ý kiến của chị H được anh Q đồng ý và phù hợp với nguyện vọng của cháu Q1 là muốn ở với mẹ sau khi bà mẹ ly hôn nên ghi nhận.

- Về tài sản chung: Cả hai vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Cả hai vợ chồng khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội Đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147 và 273 của Bộ luật TTDS;
Các điều 51, 56, 81, 82, 83, và Điều 84 của Luật HNGĐ năm 2014;
Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Như Q1, sinh ngày 29/3/2007.

Cháu Nguyễn Văn Â, sinh năm 1995, Nguyễn Văn T, sinh năm 1998 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị H, anh Q vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh Q có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí: Chị H nộp 300.000 đồng án phí LHST, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp tại biên lai số 0001937 ngày 11/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- THADS H. Cẩm Mỹ;
- UBND xã LG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tùng